

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT
ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Hà Nội, 2018

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC | 3 |
| II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH | 3 |
| III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH..... | 4 |
| IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT | 4 |
| V. NỘI DUNG GIÁO DỤC..... | 6 |
| LỚP 1 | 7 |
| LỚP 2..... | 12 |
| LỚP 3 | 17 |
| VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC | 22 |
| VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC..... | 24 |
| VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH..... | 25 |

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Tự nhiên và Xã hội là môn học bắt buộc ở các lớp 1, 2, 3, được xây dựng dựa trên nền tảng khoa học cơ bản, ban đầu về tự nhiên và xã hội. Môn học cung cấp cơ sở quan trọng cho việc học tập các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở lớp 4, lớp 5 và các môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội ở các cấp học trên.

Môn học coi trọng việc tổ chức cho học sinh trải nghiệm thực tế, tạo cho học sinh cơ hội tìm hiểu, khám phá thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn, học cách ứng xử phù hợp với tự nhiên và xã hội.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội quán triệt các quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục được nêu trong Chương trình tổng thể. Đồng thời, xuất phát từ đặc thù của môn học, những quan điểm sau được nhấn mạnh trong xây dựng chương trình:

1. Dạy học tích hợp

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội được xây dựng dựa trên quan điểm dạy học tích hợp, coi con người, tự nhiên và xã hội là một chỉnh thể thống nhất có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó con người là cầu nối giữa tự nhiên và xã hội. Các nội dung giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống, giáo dục sức khỏe, giáo dục môi trường, giáo dục tài chính được tích hợp vào môn Tự nhiên và Xã hội ở mức độ đơn giản, phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

2. Dạy học theo chủ đề

Nội dung giáo dục môn Tự nhiên và Xã hội được tổ chức theo các chủ đề: gia đình, trường học, cộng đồng địa phương, thực vật và động vật, con người và sức khỏe, Trái Đất và bầu trời. Các chủ đề này được phát triển theo hướng mở rộng và nâng cao từ lớp 1 đến lớp 3. Mỗi chủ đề đều thể hiện mối liên quan, sự tương tác giữa con người với các yếu tố tự nhiên và xã hội. Tùy theo từng chủ đề, nội dung giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống; giáo dục các vấn đề liên quan đến việc giữ gìn sức khỏe, bảo vệ cuộc sống an toàn của bản thân, gia đình và cộng đồng, bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai,... được

thể hiện ở mức độ đơn giản và phù hợp.

3. Tích cực hoá hoạt động của học sinh

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội tăng cường sự tham gia tích cực của học sinh vào quá trình học tập, nhất là những hoạt động trải nghiệm; tổ chức hoạt động tìm hiểu, điều tra, khám phá; hướng dẫn học sinh học tập cá nhân, nhóm để tạo ra các sản phẩm học tập; khuyến khích học sinh vận dụng được những điều đã học vào đời sống.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội góp phần hình thành, phát triển ở học sinh tình yêu con người, thiên nhiên; đức tính chăm chỉ; ý thức bảo vệ sức khoẻ của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống; các năng lực chung và năng lực khoa học.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Tự nhiên và Xã hội hình thành, phát triển ở học sinh phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Tự nhiên và Xã hội hình thành và phát triển ở học sinh năng lực khoa học, bao gồm các thành phần: nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Những biểu hiện của năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội được trình bày trong bảng sau:

| Thành phần năng lực | Biểu hiện |
|----------------------------|---|
| <i>Nhận thức khoa học</i> | – Nêu, nhận biết được ở mức độ đơn giản một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ thường gặp trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh như về sức khoẻ và sự an toàn trong cuộc sống, mối quan hệ của học sinh với gia đình, nhà trường, cộng đồng và thế giới tự nhiên,... |

| Thành phần năng lực | Biểu hiện |
|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được một số sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh bằng các hình thức biểu đạt như nói, viết, vẽ,... – Trình bày được một số đặc điểm, vai trò của một số sự vật, hiện tượng thường gặp trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh. – So sánh, lựa chọn, phân loại được các sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội theo một số tiêu chí. |
| <i>Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh</i> | <ul style="list-style-type: none"> – Đặt được các câu hỏi đơn giản về một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh. – Quan sát, thực hành đơn giản để tìm hiểu được về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh. – Nhận xét được về những đặc điểm bên ngoài, so sánh sự giống, khác nhau giữa các sự vật, hiện tượng xung quanh và sự thay đổi của chúng theo thời gian một cách đơn giản thông qua kết quả quan sát, thực hành. |
| <i>Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học</i> | <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được ở mức độ đơn giản một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh. – Phân tích được tình huống liên quan đến vấn đề an toàn, sức khoẻ của bản thân, người khác và môi trường sống xung quanh. – Giải quyết được vấn đề, đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong các tình huống có liên quan (ở mức độ đơn giản); trao đổi, chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện; nhận xét được cách ứng xử trong mỗi tình huống. |

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

| Mạch nội dung | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 3 |
|-----------------------------|---|---|---|
| Gia đình | <ul style="list-style-type: none"> – Thành viên và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình – Nhà ở, đồ dùng trong nhà; sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà – Sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp | <ul style="list-style-type: none"> – Các thế hệ trong gia đình – Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình – Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà – Giữ vệ sinh nhà ở | <ul style="list-style-type: none"> – Họ hàng nội, ngoại – Ngày kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ của gia đình – Phòng tránh hoả hoạn khi ở nhà – Giữ vệ sinh xung quanh nhà |
| Trường học | <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở vật chất của lớp học và trường học – Các thành viên và nhiệm vụ của một số thành viên trong lớp học, trường học – Hoạt động chính của học sinh ở lớp học và trường học – An toàn khi vui chơi ở trường và giữ lớp học sạch đẹp | <ul style="list-style-type: none"> – Một số sự kiện thường được tổ chức ở trường học – Giữ an toàn và vệ sinh khi tham gia một số hoạt động ở trường | <ul style="list-style-type: none"> – Hoạt động kết nối với xã hội của trường học – Truyền thống nhà trường – Giữ an toàn và vệ sinh ở trường hoặc khu vực xung quanh trường |
| Cộng đồng địa phương | <ul style="list-style-type: none"> – Quang cảnh làng xóm, đường phố – Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng | <ul style="list-style-type: none"> – Hoạt động mua bán hàng hoá – Hoạt động giao thông | <ul style="list-style-type: none"> – Một số hoạt động sản xuất – Một số di tích văn hoá, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên |

| Mạch nội dung | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 3 |
|------------------------------|--|--|--|
| | – An toàn trên đường | | |
| Thực vật và động vật | – Thực vật và động vật xung quanh – Chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi | – Môi trường sống của thực vật và động vật – Bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật | – Các bộ phận của thực vật, động vật và chức năng của các bộ phận đó – Sử dụng hợp lí thực vật và động vật |
| Con người và sức khoẻ | – Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể – Giữ cho cơ thể khoẻ mạnh và an toàn | – Một số cơ quan bên trong cơ thể: vận động, hô hấp, bài tiết nước tiểu – Chăm sóc và bảo vệ các cơ quan trong cơ thể | – Một số cơ quan bên trong cơ thể: tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh – Chăm sóc và bảo vệ các cơ quan trong cơ thể |
| Trái Đất và bầu trời | – Bầu trời ban ngày, ban đêm – Thời tiết | – Các mùa trong năm – Một số thiên tai thường gặp | – Phương hướng – Một số đặc điểm của Trái Đất – Trái Đất trong hệ Mặt Trời |

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp

LỚP 1

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|--|--|
| GIA ĐÌNH | |
| Thành viên và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình | – Giới thiệu được bản thân và các thành viên trong gia đình. – Nêu được ví dụ về bản thân và các thành viên trong gia đình làm công việc nhà và |

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|--|--|
| | chia sẻ thời gian nghỉ ngơi, vui chơi cùng nhau. – Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với các thành viên trong gia đình. |
| Nhà ở, đồ dùng trong nhà; sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà | – Nêu được địa chỉ nơi gia đình đang ở. – Nêu được một số đặc điểm của ngôi nhà hoặc căn hộ nơi gia đình đang ở, các phòng trong ngôi nhà hoặc căn hộ và một số đặc điểm xung quanh nơi ở. – Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về một số đồ dùng, thiết bị trong gia đình. – Chỉ ra hoặc nêu được tên đồ dùng, thiết bị trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm. – Nêu được cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong gia đình và lựa chọn được cách xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận. |
| Sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp | – Nêu được sự cần thiết phải sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp. – Làm được một số việc phù hợp để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp. |
| TRƯỜNG HỌC | |
| Cơ sở vật chất của lớp học và trường học | – Nói được tên trường, địa chỉ của trường, tên lớp học. – Xác định được vị trí của lớp học, các phòng chức năng, một số khu vực khác của nhà trường như sân chơi, bãi tập, vườn trường, khu vệ sinh,... – Kể được tên một số đồ dùng, thiết bị có trong lớp học. – Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách các đồ dùng, thiết bị của lớp học và trường học. |

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|--|--|
| Các thành viên và nhiệm vụ của một số thành viên trong lớp học, trường học | <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được các thành viên trong lớp học, trường học và nhiệm vụ của một số thành viên. – Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè, giáo viên và các thành viên khác trong nhà trường. |
| Hoạt động chính của học sinh ở lớp học và trường học | <ul style="list-style-type: none"> – Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học và trường học; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó. |
| An toàn khi vui chơi ở trường và giữ lớp học sạch đẹp | <ul style="list-style-type: none"> – Nói được về hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ; biết lựa chọn và chơi những trò chơi an toàn. – Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch đẹp. |
| CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG | |
| Quang cảnh làng xóm, đường phố | <ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được một cách đơn giản về quang cảnh làng xóm, đường phố qua quan sát thực tế cuộc sống hằng ngày và tranh ảnh hoặc video. – Bày tỏ được sự gắn bó, tình cảm của bản thân với làng xóm hoặc khu phố của mình. |
| Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng | <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được một số công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho xã hội qua quan sát cuộc sống hằng ngày và tranh ảnh hoặc video. – Nhận biết được bất kì công việc nào đem lại lợi ích cho cộng đồng đều đáng quý. – Nêu được một số việc học sinh có thể làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương. – Giới thiệu được tên, thời gian diễn ra một lễ hội truyền thống có sự tham gia của học sinh, gia đình và người dân ở cộng đồng. – Kể được một số công việc của các thành viên trong gia đình và người dân cho lễ hội đó. |

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được cảm xúc khi tham gia lễ hội đó. |
| An toàn trên đường | <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường và nêu được cách phòng tránh thông qua quan sát thực tế cuộc sống hằng ngày và tranh ảnh hoặc video. – Nói được tên và ý nghĩa của một số biển báo và đèn hiệu giao thông. – Thực hành đi bộ qua đường theo sơ đồ: đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông; đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông. |
| THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT | |
| Thực vật và động vật xung quanh | <ul style="list-style-type: none"> – Nêu tên và đặt được câu hỏi để tìm hiểu về một số đặc điểm bên ngoài nổi bật của cây và con vật thường gặp. – Vẽ hoặc sử dụng được sơ đồ có sẵn để chỉ và nói (hoặc viết) được tên các bộ phận bên ngoài của một số cây và con vật. – Phân biệt được một số cây theo nhu cầu sử dụng của con người (cây bóng mát, cây ăn quả, cây hoa,...). – Phân biệt được một số con vật theo ích lợi hoặc tác hại của chúng đối với con người. |
| Chăm sóc và bảo vệ cây trồng và vật nuôi | <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được việc làm phù hợp để chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi. – Làm được một số việc phù hợp để chăm sóc, bảo vệ cây trồng ở trường hoặc ở nhà và đối xử tốt với vật nuôi. – Có ý thức giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với một số cây, con vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện. |

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|---|---|
| CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ | |
| Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể | <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được tên, hoạt động các bộ phận bên ngoài của cơ thể; phân biệt được con trai và con gái. – Nêu được tên, chức năng của các giác quan. – Giải thích được ở mức độ đơn giản tại sao cần phải bảo vệ các giác quan. – Thực hiện được việc làm để bảo vệ các giác quan trong cuộc sống hằng ngày, đặc biệt biết cách phòng tránh cận thị học đường. |
| Giữ cho cơ thể khoẻ mạnh và an toàn | <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những việc cần làm để giữ vệ sinh cơ thể và ích lợi của việc làm đó; thực hiện đúng các quy tắc giữ vệ sinh cơ thể; tự đánh giá được việc thực hiện giữ vệ sinh cơ thể. – Nêu được số bữa cần ăn trong ngày và tên một số thức ăn, đồ uống giúp cho cơ thể khoẻ mạnh và an toàn qua quan sát tranh ảnh và (hoặc) video; tự nhận xét được thói quen ăn uống của bản thân. – Xác định được các hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khoẻ qua quan sát tranh ảnh và (hoặc) video; liên hệ với những hoạt động hằng ngày của bản thân và đưa ra được hoạt động nào cần dành nhiều thời gian để cơ thể khoẻ mạnh. – Nhận biết được vùng riêng tư của cơ thể cần được bảo vệ. – Thực hành nói không và tránh xa người có hành vi động chạm hay đe dọa đến sự an toàn của bản thân. – Thực hành nói với người lớn tin cậy để được giúp đỡ khi cần. |

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-----------------------------|---|
| TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI | |
| Bầu trời ban ngày, ban đêm | <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được bầu trời ban ngày và ban đêm qua quan sát thực tế, tranh ảnh hoặc video. – So sánh được ở mức độ đơn giản bầu trời ban ngày và ban đêm; bầu trời ban đêm vào các ngày khác nhau (nhìn thấy hay không nhìn thấy Mặt Trăng và các vì sao). – Nêu được ví dụ về vai trò của Mặt Trời đối với Trái Đất (sưởi ấm và chiếu sáng). – Có ý thức bảo vệ mắt, không nhìn trực tiếp vào Mặt Trời và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện. |
| Thời tiết | <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió,... ở mức độ đơn giản. – Nêu được sự cần thiết phải theo dõi dự báo thời tiết hàng ngày. – Thực hiện được việc sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh để giữ cho cơ thể khoẻ mạnh. |

LỚP 2

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|---------------------------|---|
| GIA ĐÌNH | |
| Các thế hệ trong gia đình | <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được các thành viên trong gia đình hai thế hệ, ba thế hệ và (hoặc) bốn thế hệ. – Vẽ, viết hoặc cắt dán ảnh gia đình có hai thế hệ, ba thế hệ vào sơ đồ cho trước. – Nói được sự cần thiết của việc chia sẻ, dành thời gian quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình. |

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> – Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc yêu thương của bản thân với các thế hệ trong gia đình. |
| <p>Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình</p> | <ul style="list-style-type: none"> – Đặt được câu hỏi để tìm hiểu thông tin về tên công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình và ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội. – Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề có thu nhập, những công việc tình nguyện không nhận lương. – Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích sau này. |
| <p>Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà</p> | <ul style="list-style-type: none"> – Kể được tên một số đồ dùng và thức ăn, đồ uống nếu không được cất giữ, bảo quản cẩn thận có thể gây ngộ độc. – Thu thập được thông tin về một số lí do gây ngộ độc qua đường ăn uống. – Đề xuất được những việc bản thân và các thành viên trong gia đình có thể làm để phòng tránh ngộ độc. – Đưa ra được cách xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị ngộ độc. |
| <p>Giữ vệ sinh nhà ở</p> | <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được tại sao phải giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh). – Làm được một số việc phù hợp để giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh). |
| <p>TRƯỜNG HỌC</p> | |
| <p>Một số sự kiện thường được tổ chức ở trường học</p> | <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được tên, một số hoạt động và ý nghĩa của một đến hai sự kiện thường được tổ chức ở trường (ví dụ: lễ khai giảng; văn nghệ đầu tuần; ngày kỉ niệm 20/11, 8/3; hội chợ xuân, hội chợ sách,...). |

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> – Nhận xét được về sự tham gia của học sinh trong những sự kiện đó và chia sẻ cảm nhận của bản thân. |
| <p>An toàn khi tham gia một số hoạt động ở trường và giữ vệ sinh trường học</p> | <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra trong khi tham gia những hoạt động ở trường và cách phòng tránh. – Thực hiện được việc giữ vệ sinh khi tham gia một số hoạt động ở trường. |
| CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG | |
| <p>Hoạt động mua bán hàng hoá</p> | <ul style="list-style-type: none"> – Kể được tên một số hàng hoá cần thiết cho cuộc sống hằng ngày. – Nêu được cách mua, bán hàng hoá trong cửa hàng, chợ, siêu thị hoặc trung tâm thương mại. – Nêu được lí do vì sao phải lựa chọn hàng hoá trước khi mua. – Thực hành (theo tình huống giả định) lựa chọn hàng hoá phù hợp về giá cả và chất lượng. |
| <p>Hoạt động giao thông</p> | <ul style="list-style-type: none"> – Kể được tên các loại đường giao thông. – Nêu được một số phương tiện giao thông và tiện ích của chúng. – Phân biệt được một số loại biển báo giao thông (biển báo chỉ dẫn; biển báo cấm; biển báo nguy hiểm) qua hình ảnh. – Giải thích được sự cần thiết phải tuân theo quy định của các biển báo giao thông. – Nêu được quy định khi đi trên một số phương tiện giao thông (ví dụ: xe máy, xe buýt, đò, thuyền,...) và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện. |

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|---|---|
| THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT | |
| Môi trường sống của thực vật và động vật | <ul style="list-style-type: none"> – Đặt và trả lời được câu hỏi về nơi sống của thực vật và động vật thông qua quan sát thực tế, tranh ảnh và (hoặc) video. – Nêu được tên và nơi sống của một số thực vật, động vật xung quanh. – Phân loại được thực vật, động vật theo môi trường sống. – Tìm hiểu, điều tra một số thực vật và động vật có ở xung quanh và mô tả được môi trường sống của chúng. |
| Bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật | <ul style="list-style-type: none"> – Thu thập được thông tin về một số việc làm của con người có thể làm thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật. – Giải thích được ở mức độ đơn giản sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật. – Nêu được những việc có thể làm để bảo vệ, hạn chế sự thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện. |
| CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ | |
| Một số cơ quan bên trong cơ thể: vận động, hô hấp, bài tiết nước tiểu | <ul style="list-style-type: none"> – Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của các cơ quan vận động, hô hấp và bài tiết nước tiểu trên sơ đồ, tranh ảnh. – Nhận biết được chức năng của các cơ quan nêu trên ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động hằng ngày của bản thân (ví dụ: nhận biết chức năng của xương và cơ qua hoạt động vận động; chức năng của cơ quan hô hấp qua hoạt động thở ra và hít vào; chức năng của cơ quan bài tiết qua việc thải ra nước tiểu). |

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|---|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> – Đưa ra được dự đoán điều gì sẽ xảy ra với cơ thể mỗi người nếu một trong các cơ quan trên không hoạt động. |
| Chăm sóc, bảo vệ các cơ quan trong cơ thể | <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết và thực hiện được đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống. – Nêu được sự cần thiết và thực hiện được việc hít vào, thở ra đúng cách và tránh xa nơi có khói bụi để bảo vệ cơ quan hô hấp. – Nêu được sự cần thiết và thực hiện được việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận. |
| TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI | |
| Các mùa trong năm | <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được tên và một số đặc điểm của các mùa trong năm (ví dụ: mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông; mùa mưa và mùa khô). – Lựa chọn được trang phục phù hợp theo mùa để giữ cơ thể khoẻ mạnh. |
| Một số thiên tai thường gặp | <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết và mô tả được một số hiện tượng thiên tai (ví dụ: bão, lũ, lụt, giông sét, hạn hán,...) ở mức độ đơn giản. – Nêu được một số rủi ro dẫn đến các thiệt hại về tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra. – Đưa ra được một số ví dụ về thiệt hại tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra. – Nêu và luyện tập được một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương. – Chia sẻ với những người xung quanh và cùng thực hiện phòng tránh rủi ro thiên tai. |

LỚP 3

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|---|--|
| GIA ĐÌNH | |
| Họ hàng nội, ngoại | <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được mối quan hệ họ hàng nội, ngoại. – Xung hô đúng với các thành viên trong gia đình thuộc họ nội, họ ngoại. – Vẽ, viết hoặc cắt dán ảnh vào sơ đồ gia đình và họ hàng nội, ngoại theo mẫu. – Bày tỏ được tình cảm, sự gắn bó của bản thân với họ hàng nội, ngoại. |
| Ngày kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ của gia đình | <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được tên một số ngày kỉ niệm hay sự kiện quan trọng của gia đình và thông tin có liên quan đến những sự kiện đó (ví dụ: một chuyến đi dã ngoại, du lịch đáng nhớ của cả gia đình; thay đổi nơi ở, nơi học, công việc của thành viên gia đình,...). – Vẽ được đường thời gian theo thứ tự các sự kiện lớn, các mốc quan trọng đã xảy ra trong gia đình. – Nhận xét được sự thay đổi của gia đình theo thời gian qua một số ví dụ. |
| Phòng tránh hoả hoạn khi ở nhà | <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được một số nguyên nhân dẫn đến cháy nhà và nêu được những thiệt hại có thể xảy ra (về người, tài sản,...) do hoả hoạn. – Đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong tình huống có cháy xảy ra; Nhận xét về những cách ứng xử đó. – Thực hành ứng xử trong tình huống giả định khi có cháy xảy ra. – Điều tra, phát hiện được những thứ có thể gây cháy trong nhà và nói với người lớn có biện pháp để phòng cháy. |
| Giữ vệ sinh xung quanh nhà | <ul style="list-style-type: none"> – Kể tên và làm được một số việc phù hợp để giữ vệ sinh xung quanh nhà. |

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|--|--|
| | – Giải thích được một cách đơn giản tại sao cần phải giữ vệ sinh xung quanh nhà. |
| TRƯỜNG HỌC | |
| Hoạt động kết nối với xã hội của trường học | <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được tên và ý nghĩa một đến hai hoạt động kết nối với xã hội của trường học (ví dụ: hoạt động bảo vệ môi trường, hoạt động truyền thông về an toàn giao thông, hoạt động ủng hộ đồng bào bị thiên tai,...) và mô tả được hoạt động đó. – Nhận xét được về sự tham gia của học sinh trong các hoạt động đó. |
| Truyền thống của nhà trường | <ul style="list-style-type: none"> – Đặt được một số câu hỏi để tìm hiểu về truyền thống nhà trường (năm thành lập trường, thành tích dạy và học; các hoạt động khác,...). – Giới thiệu được một cách đơn giản về truyền thống nhà trường. – Bày tỏ được tình cảm hoặc mong ước của bản thân đối với nhà trường. |
| Giữ an toàn và vệ sinh ở trường hoặc khu vực xung quanh trường | <ul style="list-style-type: none"> – Thực hành khảo sát về sự an toàn trong khuôn viên nhà trường hoặc khu vực xung quanh trường theo nhóm: <ul style="list-style-type: none"> + Lập được kế hoạch khảo sát về sự an toàn của phòng học, tường rào, sân chơi, bãi tập hoặc khu vực xung quanh trường theo mẫu. + Khảo sát được về sự an toàn liên quan đến cơ sở vật chất của nhà trường hoặc khu vực xung quanh trường theo sự phân công của nhóm. + Làm báo cáo, trình bày được kết quả khảo sát và đưa ra được ý tưởng khuyến nghị với nhà trường nhằm khắc phục, hạn chế những rủi ro có thể xảy ra. – Có ý thức giữ gìn và làm được một số việc phù hợp để giữ vệ sinh trường học và khu vực xung quanh trường. |
| CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG | |

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|--|--|
| Một số hoạt động sản xuất | <ul style="list-style-type: none"> – Kể được tên, sản phẩm và ích lợi của một số hoạt động sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp hoặc thủ công) ở địa phương. – Trình bày, giới thiệu được một trong số các sản phẩm của địa phương dựa trên các thông tin, tranh ảnh, vật thật,... sưu tầm được. – Viết, vẽ hoặc sử dụng tranh ảnh, video,... để chia sẻ với những người xung quanh về sự cần thiết phải tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường. |
| Di tích văn hoá, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên | <ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được (bằng lời hoặc kết hợp lời nói với hình ảnh) một di tích lịch sử, văn hoá hoặc cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. – Thể hiện sự tôn trọng và có ý thức giữ vệ sinh khi đi tham quan di tích văn hoá, lịch sử hoặc cảnh quan thiên nhiên. |
| THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT | |
| Các bộ phận của thực vật, động vật và chức năng của các bộ phận đó | <ul style="list-style-type: none"> – Vẽ hoặc sử dụng sơ đồ sẵn có để chỉ vị trí và nói (hoặc viết) được tên một số bộ phận của thực vật và động vật. – Trình bày được chức năng của các bộ phận đó (sử dụng sơ đồ, tranh ảnh). – So sánh (hình dạng, kích thước, màu sắc) rễ, thân, lá, hoa, quả của các thực vật khác nhau; phân loại được thực vật dựa trên một số tiêu chí (ví dụ: đặc điểm của thân, rễ, lá,...). – So sánh được đặc điểm cấu tạo của một số động vật khác nhau; phân loại được động vật dựa trên một số tiêu chí (ví dụ: đặc điểm cơ quan di chuyển,...). |
| Sử dụng hợp lí thực vật và | <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được ví dụ về việc sử dụng thực vật và động vật trong đời sống hằng ngày. |

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|---|--|
| động vật | <ul style="list-style-type: none"> – Liên hệ thực tế, nhận xét về cách sử dụng thực vật và động vật của gia đình và cộng đồng địa phương. – Lựa chọn và đề xuất cách sử dụng thực vật và động vật hợp lí. Chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện. |
| CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ | |
| Một số cơ quan bên trong cơ thể | <ul style="list-style-type: none"> – Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của các cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh trên sơ đồ, tranh ảnh. – Nhận biết được chức năng của các cơ quan nêu trên ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động sống hằng ngày của bản thân (ví dụ: theo dõi việc ăn, uống và thải bã; phát hiện tim và mạch máu đập; phát hiện khả năng phản ứng của cơ thể như rút tay lại khi sờ vào vật nóng và sự thay đổi cảm xúc, khóc khi bị ngã đau, vui khi được khen, buồn khi các bạn không cho chơi cùng). |
| Chăm sóc và bảo vệ các cơ quan trong cơ thể | <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được một số ví dụ về mối quan hệ với gia đình hoặc bạn bè có ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến trạng thái cảm xúc (hoặc sức khoẻ tinh thần) của mỗi người. – Trình bày được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ các cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn và thần kinh. – Kể được tên một số thức ăn, đồ uống và hoạt động có lợi cho các cơ quan tiêu hoá, tim mạch, thần kinh. – Thu thập được thông tin về một số chất và hoạt động có hại đối với các cơ quan tiêu hoá, tim mạch, thần kinh (ví dụ: thuốc lá, rượu, ma tuý); nêu được cách phòng tránh. – Xây dựng và thực hiện được thời gian biểu phù hợp (theo mẫu) để có được thói quen |

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|------------------------------|--|
| | học tập, vui chơi, ăn uống, nghỉ ngơi điều độ và ngủ đủ giấc. |
| TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI | |
| Phương hướng | <ul style="list-style-type: none"> – Kể được bốn phương chính trong không gian theo quy ước. – Thực hành xác định được các phương chính dựa trên phương Mặt Trời mọc, lặn hoặc sử dụng la bàn. |
| Một số đặc điểm của Trái Đất | <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết ban đầu về hình dạng Trái Đất qua quả địa cầu. – Chỉ được cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam và các đới khí hậu trên quả địa cầu. – Trình bày được một vài hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu dựa vào tranh ảnh và (hoặc) video. – Tìm và nói được tên các châu lục và các đại dương trên quả địa cầu. Chỉ được vị trí của Việt Nam trên quả địa cầu. – Nêu được một số dạng địa hình của Trái Đất: đồng bằng, đồi, núi, cao nguyên; sông, hồ; biển, đại dương dựa vào tranh ảnh và (hoặc) video. – Xác định được nơi học sinh đang sống thuộc dạng địa hình nào. |
| Trái Đất trong hệ Mặt Trời | <ul style="list-style-type: none"> – Chỉ và nói được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời trên sơ đồ, tranh ảnh. – Chỉ và trình bày được chiều chuyển động của Trái Đất quanh mình nó và quanh Mặt Trời trên sơ đồ và (hoặc) mô hình. – Giải thích được ở mức độ đơn giản hiện tượng ngày và đêm, qua sử dụng mô hình hoặc video. |

| Nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|----------|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> – Chỉ được chiều chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất trên sơ đồ và (hoặc) mô hình. – Nêu được Trái Đất là một hành tinh trong hệ Mặt Trời, Mặt Trăng là vệ tinh của Trái Đất. |

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Phương pháp giáo dục môn Tự nhiên và Xã hội được thực hiện theo các định hướng chung nêu tại Chương trình tổng thể, bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Khai thác những kiến thức, kinh nghiệm của học sinh về cuộc sống xung quanh; phát huy trí tò mò khoa học, hướng đến sự phát triển các mối quan hệ tích cực của học sinh với môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh; hướng dẫn học sinh cách đặt câu hỏi, cách thu thập thông tin và tìm kiếm các bằng chứng, cách sử dụng các thông tin, bằng chứng thu thập được để đưa ra những nhận xét, kết luận mang tính khách quan, khoa học.

b) Tổ chức cho học sinh học thông qua quan sát. Đối tượng quan sát là các sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội từ tranh ảnh, vật thật, video, môi trường xung quanh. Hoạt động quan sát nhằm phát triển ở học sinh các kỹ năng nhận xét, so sánh, phân loại, phân tích, suy luận, khái quát hoá những gì đã quan sát được ở mức độ đơn giản.

c) Tổ chức cho học sinh học thông qua trải nghiệm. Học sinh thực hiện các hoạt động điều tra, khám phá, vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống xung quanh, qua đó, học cách giải quyết một số vấn đề đơn giản thường gặp; ứng xử phù hợp với sức khỏe, sự an toàn của bản thân và những người xung quanh; bảo vệ môi trường sống.

d) Tổ chức cho học sinh học thông qua tương tác. Học sinh thực hiện các hoạt động trò chơi, đóng vai, thảo luận, thực hành, xử lý tình huống thực tiễn để hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, giao tiếp và sự tự tin.

e) Lựa chọn, phối hợp, vận dụng các phương pháp giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội

dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể.

2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất học sinh được hình thành, phát triển nhờ tương tác, trải nghiệm trong các hoạt động học tập đa dạng, phong phú ở trường và ở gia đình, cộng đồng. Thông qua việc hướng dẫn học sinh tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội, tham gia các công việc gia đình, trường lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân, môn Tự nhiên và Xã hội hình thành và phát triển ở học sinh tình cảm yêu quý, trân trọng gia đình, bạn bè, cộng đồng; tình yêu thiên nhiên và ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên; ý thức giữ vệ sinh cá nhân, thực hiện các quy tắc bảo vệ sức khỏe và an toàn cho bản thân, gia đình, bạn bè và những người xung quanh; ý thức sử dụng tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ những đồ dùng, vật dụng của gia đình, xã hội; ý thức chăm sóc, bảo vệ thực vật và động vật, giữ vệ sinh môi trường; ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào cuộc sống.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

- Để góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học ở học sinh, giáo viên đưa ra các nhiệm vụ học tập như quan sát mẫu vật hoặc tranh ảnh, đọc thông tin trong sách, khai thác các nguồn tư liệu bổ trợ, ... và các câu hỏi hợp lý, giúp học sinh tích cực, tự lực chiếm lĩnh kiến thức, biết cách học độc lập.

- Để góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác ở học sinh, giáo viên tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm hoặc cả lớp; yêu cầu học sinh trao đổi chia sẻ thông tin đã thu thập được hoặc nội dung bài học (bằng lời nói, viết, vẽ,...) và cùng nhau hợp tác để hoàn thành sản phẩm học tập chung; tạo điều kiện để học sinh nhận xét, góp ý cho các sản phẩm học tập của học sinh khác, nhóm khác.

- Để góp phần hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở học sinh, giáo viên thiết kế các tình huống có vấn đề để tạo điều kiện cho học sinh tham gia tích cực vào giải quyết vấn đề của bài học, qua đó chiếm lĩnh được kiến thức mới và nâng cao năng lực giải quyết vấn đề. Giáo viên sử dụng các câu hỏi, bài tập, tình huống có nội dung thực tiễn, tạo điều kiện cho học sinh vận dụng phối hợp kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế cuộc sống; các câu hỏi mở, bài tập có nhiều cách giải hoặc các nhiệm vụ học tập (có thể bài tập, trò chơi,...) đòi hỏi sự sáng tạo; các câu hỏi, nhiệm vụ học tập

phân hoá cho các nhóm đối tượng học sinh.

3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực khoa học

a) Để hình thành và phát triển thành phần năng lực nhận thức khoa học, giáo viên tạo cho học sinh cơ hội huy động những hiểu biết, kinh nghiệm sẵn có để tham gia hình thành kiến thức mới; tổ chức các hoạt động trong đó học sinh được trình bày hiểu biết của mình, so sánh, phân loại các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội, giải thích một số mối quan hệ trong gia đình, trường học, cộng đồng và trong tự nhiên; hệ thống hoá kiến thức, kết nối được kiến thức mới với hệ thống kiến thức đã có.

b) Để hình thành và phát triển thành phần năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội, giáo viên cần chú ý tạo cơ hội để học sinh được đề xuất những câu hỏi, phát hiện vấn đề cần tìm hiểu và tích cực tham gia giải quyết vấn đề. Chú trọng cho học sinh quan sát, đọc tài liệu, thực hiện điều tra, thực hành đơn giản để tìm hiểu các sự vật, hiện tượng, các mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh; thu thập và ghi lại các dữ liệu đơn giản từ quan sát, thực hành; nhận xét về những đặc điểm bên ngoài, so sánh sự giống, khác nhau giữa các sự vật, hiện tượng xung quanh và sự thay đổi của chúng theo thời gian một cách đơn giản.

c) Để hình thành và phát triển thành phần năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người, xã hội, giáo viên sử dụng những câu hỏi, bài tập đòi hỏi học sinh phải vận dụng các kiến thức, kĩ năng,... đã học để giải quyết các nhiệm vụ học tập trong bối cảnh, tình huống mới gắn với thực tế cuộc sống, vừa sức với học sinh,...

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Đánh giá kết quả giáo dục môn Tự nhiên và Xã hội được thực hiện theo định hướng chung nêu tại Chương trình tổng thể, bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội và sự tiến bộ của học sinh để điều chỉnh hoạt động dạy của giáo viên và quản lí của nhà trường, đồng thời hướng dẫn, khuyến khích, tạo động cơ và hứng thú học tập cho học sinh.

2. Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong Chương trình tổng thể và chương trình môn học. Bên cạnh đánh giá kiến thức, kĩ năng, tăng cường đánh giá thái độ của học sinh trong học tập; chú trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng trong học tập môn học.

3. Kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; giữa đánh giá định tính và định lượng; giữa đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học sinh, đánh giá của cha mẹ học sinh và đánh giá của cộng đồng.

Đánh giá quá trình diễn ra trong suốt quá trình học tập của học sinh. Trong đánh giá quá trình, giáo viên sử dụng các công cụ khác nhau như câu hỏi, bài tập, biểu mẫu quan sát, bài thực hành, dự án học tập, sản phẩm,... Tham gia đánh giá quá trình có giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Đánh giá tổng kết được thực hiện nhằm xác định mức độ học sinh đạt được các yêu cầu của chương trình môn học sau khi học xong các chủ đề về xã hội (gia đình, trường học, cộng đồng địa phương) và các chủ đề về tự nhiên (thực vật và động vật, con người và sức khỏe, Trái Đất và bầu trời). Kết quả đánh giá tổng kết được ghi bằng điểm số kết hợp với nhận xét của giáo viên.

4. Sử dụng các phương pháp, công cụ đánh giá khác nhau như đánh giá thông qua trả lời miệng, bài viết (bài tự luận, bài trắc nghiệm khách quan, bài thu hoạch tham quan, báo cáo kết quả sưu tầm,...); đánh giá thông qua quan sát (quan sát học sinh thực hiện các nhiệm vụ thực hành, thảo luận nhóm, học ngoài thực địa, tham quan,... bằng cách sử dụng bảng quan sát, bảng kiểm, hồ sơ học tập,...); đánh giá qua các sản phẩm thực hành của học sinh;...

VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Từ ngữ thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ các yêu cầu cần đạt của người học. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong bảng dưới đây, đối tượng, yêu cầu cụ thể của mỗi hành động được chỉ dẫn bằng các từ ngữ khác nhau đặt trong ngoặc đơn.

Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những

động từ nêu trong bảng dưới đây hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sự phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho học sinh.

| Mức độ | Động từ mô tả mức độ |
|------------------------|---|
| <i>Biết</i> | nêu được (công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho xã hội;...); kể được (tên các hoạt động chính trong lớp học và trường học;...); nói được (tên trường, địa chỉ của trường; tên lớp, vị trí của lớp học trong trường;...). |
| | nhận biết được (tên gọi, chức năng các bộ phận bên ngoài và các giác quan của cơ thể;...); xác định được (các hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khỏe; một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra trong khi tham gia các hoạt động ở trường và cách phòng tránh;...). |
| <i>Hiểu</i> | mô tả được (một số hiện tượng thiên tai;...); vẽ được (đường thời gian theo thứ tự các sự kiện lớn, các mốc quan trọng đã xảy ra trong gia đình;...); giới thiệu được (một cách đơn giản về truyền thống nhà trường;...). |
| | trình bày được (một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ cơ quan tiêu hoá, cơ quan tuần hoàn và thần kinh;...); nêu được ví dụ (về việc sử dụng thực vật và động vật trong đời sống hằng ngày;...). |
| | so sánh được (đặc điểm cấu tạo của một số động vật khác nhau); phân loại được (thực vật dựa trên một số tiêu chí. Ví dụ: đặc điểm của thân, rễ, lá,...). |
| <i>Vận dụng</i> | nhận xét được (sự thay đổi của gia đình theo thời gian qua một số ví dụ;...); đặt được câu hỏi (để tìm hiểu về truyền thống nhà trường: năm thành lập trường, thành tích dạy và học, các hoạt động khác,...). |
| | giải thích được (một cách đơn giản tại sao cần phải giữ vệ sinh xung quanh nhà;...); thực hiện được (nhiệm vụ khảo sát về sự an toàn liên quan đến cơ sở vật chất của nhà trường hoặc khu vực xung quanh trường theo sự phân công của nhóm; đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống;...). |
| | đưa ra được (cách xử lý tình huống khi học sinh hoặc người nhà bị ngộ độc; cách ứng xử phù hợp trong tình huống giả định có cháy xảy ra; nhận xét về những cách ứng xử đó;...); đề xuất (cách sử dụng thực vật và động vật hợp lí;...). |

2. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời lượng thực hiện chương trình mỗi lớp là 70 tiết/năm học, dạy trong 35 tuần. Ước lượng tỷ lệ % số tiết dành cho các chủ đề ở từng lớp như sau:

| Chủ đề | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 3 |
|-----------------------|-------|-------|-------|
| Gia đình | 14% | 13% | 12% |
| Trường học | 13% | 12% | 12% |
| Cộng đồng địa phương | 16% | 16% | 14% |
| Thực vật và động vật | 16% | 16% | 17% |
| Con người và sức khoẻ | 20% | 20% | 20% |
| Trái Đất và bầu trời | 11% | 13% | 15% |
| Đánh giá định kì | 10% | 10% | 10% |

3. Thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học được sử dụng để minh hoạ, làm rõ kiến thức, tạo hứng thú học tập cho học sinh đồng thời là phương tiện để phát triển tư duy, hình thành kiến thức cho học sinh thông qua các hoạt động quan sát, dự đoán, nhận xét, điền vào sơ đồ, thử nghiệm,... Các thiết bị dạy học phải có tính trực quan, cụ thể, gắn với thực tiễn cuộc sống, đồng thời phải đảm bảo tính logic, tính sư phạm, tính thẩm mỹ và tính giáo dục.

Thiết bị dạy học của môn Tự nhiên và Xã hội gồm:

a) Các thiết bị dùng chung cho cả lớp

Tranh, video, mô hình về: phòng tránh hoả hoạn khi ở nhà; biển báo, đèn hiệu giao thông, an toàn giao thông; hoạt động sản xuất tạo ra sản phẩm hàng hoá; nơi sống của thực vật, động vật trên Trái Đất; di tích văn hoá lịch sử và cảnh quan thiên nhiên; hiện tượng thiên tai, ứng phó giảm nhẹ rủi ro thiên tai; hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu;

vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời, chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời, chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất.

b) Các thiết bị dùng để thực hành theo nhóm, cá nhân

- Quả địa cầu.

- Bộ tranh rời về: các loại nhà ở; các đồ dùng trong nhà; biển báo, đèn hiệu giao thông, an toàn giao thông; hoạt động nghề nghiệp trong xã hội; các thế hệ trong gia đình; họ hàng nội, ngoại; thực vật, động vật; các loại thức ăn; phòng tránh bị xâm hại; các cơ quan vận động, hô hấp, bài tiết, tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh.

Ngoài ra, cần khai thác môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh trong dạy học; kết hợp sử dụng những thiết bị dạy học được cung cấp với đồ dùng dạy học do giáo viên và học sinh tự làm.